

M, ngày 11 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 666, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị A và anh H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị A và anh H thống nhất giao cháu K, sinh ngày 21/7/2018 cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. (Cháu K đang sống chung với chị A).

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Chị A và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự về Hôn nhân và Gia đình là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng. Chị A và anh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng nhưng chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013529 ngày 03/5/2019, chuyển thu 150.000 đồng, được hoàn lại 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thụy Lan Chi